TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2018
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ BỊA-VŨNG TÀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 908/2018/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn TH, sinh năm 1954; Thường trú: ….. B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Địa chỉ: …. đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Phan TT, sinh năm: 1957; ….. B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Địa chỉ: …. đường B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Nguyễn TH trình bày:

Bà và ông Phan TT tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống không đăng ký kết hôn từ đầu năm 1976. Bà và ông TT sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng về tính cách nên dần dần tình nghĩa vợ chồng dành cho nhau không còn. Bà và ông TT đã ly thân từ năm 2000 đến nay, hai bên không còn quan tâm, chia sẻ gì đối với nhau. Hiện nay, các con đã trưởng thành và bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông TT không có hạnh phúc, vợ chồng chung sống như không còn tình nghĩa, không còn sự tôn trọng đối với nhau nên bà yêu cầu Tòa giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Phan TT,

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là Phan Thụy Xuân T, sinh năm 1977; Phan Thụy T sinh năm 1978; Phan Thụy TN, sinh năm 1982. Các con đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 18 tháng 9 năm 2018 ông Phan TT trình bày:

Ông và bà Nguyễn TH chung sống từ năm 1976, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do ông và bà TH có nhiều điểm khác biệt về tính cách nên hôn

nhân không hạnh phúc. Với yêu cầu ly hôn của bà TH, ông ý vì vợ chồng ly thân từ năm 2000 tới nay, không còn tình nghĩa vợ chồng đối với nhau.

Về con chung: Ông và bà TH có 03 con chung là Phan Thụy Xuân T, sinh năm 1977; Phan Thụy T sinh năm 1978; Phan Thụy TN, sinh năm 1982 các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn TH yêu cầu ly hôn với ông Phan TT có địa chỉ cư trú tại Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông TT có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông TT.

Trong vụ án này, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không thuộc quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn TH và ông Phan TT chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1976 cho tới nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình tố tụng, ông TT và bà TH đều xác định đã hết tình nghĩa vợ chồng dành cho nhau và cùng yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn. Căn cứ vào quy định tại Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn TH và ông Phan TT.

[2.2]. *Về con chung*: Đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà TH và ông T không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[3].Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Nguyễn TH phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 90 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn TH và ông Phan TT thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Các con chung của bà TH và ông TT đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà TH và ông TT không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn TH phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005099 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà TH đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà TH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Ông T vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm